

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày: 14-3-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Khởi.

Ông Nguyễn Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác Lê Minh V, Lê Minh D), sinh năm 1979, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp không có; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (c) và bà Trần Thị B (s); có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; tiền sự không; tiền án có 04 tiền án, vào ngày 20 tháng 5 năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội trộm cắp tài sản công dân, đến ngày 12 tháng 5 năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân, đến ngày 24 tháng 9 năm 2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản và đến ngày 11 tháng 12 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25 tháng 8 năm 2017; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19 tháng 12 năm 2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông **Nguyễn Văn N (B)**, sinh năm 1983; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 11 tháng 10 năm 2017, T một mình đi xe đạp ngang qua khu vực ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, thấy trước cửa nhà ông Nguyễn Văn N có nhốt một con gà trống trong bội, không có người canh giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T để xe đạp ngoài lộ rồi lên vào bắt con gà trống có trọng lượng 2,8kg, sau đó đạp xe đạp tới thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng bán cho một người đàn ông không biết rõ tên, địa chỉ với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Trong lúc bắt gà của ông N, T có làm rớt lại cái điện thoại di động hiệu HOTWAV màu đen có số sim 0868273031. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã xác minh, làm rõ là của T. Theo bản kết luận định giá tài sản số 36/KL.ĐGTS ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Con gà trống nặng 2,8kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 252.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại N yêu cầu T bồi thường thiệt hại về tài sản là giá trị con gà trống bị mất với số tiền là 252.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng), nhưng T chưa bồi thường.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có thu giữ một điện thoại di động hiệu HOTWAV màu đen, có ký hiệu Model H31 cùng sim Viettel số 0868273031 (đã qua sử dụng), chưa xử lý.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSMT ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo T có nhân thân xấu, đó là có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm, mà sau khi chấp hành xong hình phạt tù được một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản nên cần thiết phải xử lý

ng nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo cũng thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, trước khi xét xử bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại N xong, hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, đó là vợ bỏ đi, hai con còn nhỏ đang ở chung với mẹ bị cáo và bị cáo, trong đó có 01 cháu bị tật bẩm sinh và tại phiên tòa, bị hại cũng tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng tù đến 01 năm tù. Về bồi thường thiệt hại, trước khi xét xử, bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về vật chứng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có thu giữ một điện thoại di động hiệu HOTWAV màu đen, có ký hiệu Model H31 cùng sim Viettel số 0868273031 (đã qua sử dụng), đây là tài sản của bị cáo T làm rớt lại khi bắt trộm gà của ông N và tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo T tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo bỏ đi, hai con của bị cáo còn nhỏ, đang sống với bị cáo và mẹ bị cáo, trong đó có 01 đứa bị tật bẩm sinh, trước khi xét xử bị cáo cũng đã qua năn nỉ và bồi thường thiệt hại cho bị hại N xong với số tiền là 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng), bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về chiếc điện thoại bị thu giữ, bị cáo không yêu cầu nhận lại.

- Ý kiến của bị hại ông Nguyễn Văn N về hành vi phạm tội của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại xong, bị hại cũng đã nhận đủ số tiền bồi thường như bị cáo trình bày. Mặt khác, bị hại thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng rất khó khăn. Vì vậy, bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét, chiếu cố, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T: Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến và

kiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi, đó là vào khoảng 03 giờ sáng ngày 11 tháng 10 năm 2017, lén vào nhà ông Nguyễn Văn N, ở ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, bắt một con gà trống nặng 2,8kg, bán lấy tiền tiêu xài. Như vậy, bị cáo T là người đã 04 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục có hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của ông N là một con gà trống nặng 2,8kg và theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, trị giá con gà trống là 252.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng), là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Do đó, Viện kiểm sát cùng cấp truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm đáng kể cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại N, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; đồng thời, bị cáo có nhân thân xấu, rất nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, nhưng sau khi chấp hành án phạt tù xong, không biết ăn năn hối cải, mà tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ sức răn đe, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Như vậy, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng tù đến 01 năm tù là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho bị hại N xong trước khi Tòa án mở phiên tòa với số tiền là 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và tại phiên tòa, bị hại N không có yêu cầu gì thêm nữa nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu HOTWAV màu đen, có ký hiệu Model H31 cùng sim Viettel số 0868273031 (đã qua sử dụng). Đây là tài sản của bị cáo T làm rơi lại khi bắt trộm gà của ông N và là vật mang dấu vết tội phạm, nhưng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, đáng lẽ ra trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo T là người bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T (Lê Minh V, Lê Minh D) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Phạt bị cáo Phạm Văn T (Lê Minh V, Lê Minh D) **06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Văn N (B) không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu HOTWAV màu đen, có ký hiệu Model H31 cùng sim Viettel số 0868273031 (đã qua sử dụng) của bị cáo Phạm Văn T (Lê Minh V, Lê Minh D).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T (Lê Minh V, Lê Minh D) chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm